| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KIM THÀNH**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04/10/2019
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Xuân Tìm

2. Ông Ngô Văn Minh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị V**, sinh năm 1984, có mặt

*2. Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1983, vắng mặt

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

*- Người làm chứng:*

1. Bà Đào Thị L *(là mẹ đẻ của anh T)*, sinh năm 1959

2. Bà Nguyễn Thị D *(là mẹ đẻ của chị V)*, sinh năm 1961

Đều có địa chỉ: ThônT, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Đều vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Thị V trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/7/2003. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống cùng với bố mẹ anh T được hơn một năm thì anh chị ra ở riêng. Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, vợ chồng không có sự tôn trọng yêu thương nhau, anh T mải chơi, không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi cờ bạc, đi đêm về hôm, vay nợ lãi bên ngoài. Anh T còn có biểu hiện quan hệ nam nữ bên ngoài. Mặc dù chị không có bằng chứng nhưng qua thông tin của bạn bè nên chị biết. Chị và bố mẹ anh T đã khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Chị cũng đã phải trả nợ cho anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn còn mải chơi, tiếp tục nợ nần bên ngoài. Việc vay nợ của anh T chị không được biết, nhưng thường xuyên có người đến nhà đòi nợ chị và còn đe dọa chị. Mâu thuẫn của chị và anh T cũng đã được hai bên gia đình khuyên bảo hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được, mâu thuẫn của vợ chồng đến nay rất trầm trọng. Anh chị chính thức ly thân nhau từ tháng 6 năm 2019 cho tới nay, không ai còn quan tâm tới ai nữa. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng. Chị đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có ba con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 28/8/2004, Nguyễn Minh Ch, sinh ngày 11/01/2012 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 24/12/2015. Hiện, cả ba cháu đang ở với chị. Cháu A bị khuyết tật đặc biệt nặng, dạng khuyết tật: Nhìn, trí tuệ, nghe, nói, khác. Cháu A không thể trình bày quan điểm, nguyện vọng của cháu. Nhưng từ trước tới nay chị vẫn luôn là người nuôi cháu. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung; vì trước khi nộp đơn đến Tòa án chị và anh T cũng đã thỏa thuận chị là người nuôi ba cháu. Hiện, chị làm công việc buôn bán tự do tại xã, thu nhập bình quân của chị từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/ tháng, nên sẽ đảm bảo việc nuôi con. Những lúc chị đi làm thì mẹ chị giúp đỡ chị trong việc chăm sóc, nuôi các cháu. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh T và tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T đều không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh T đến tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt. Tòa án quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập anh T đến phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà, chị V giữ nguyên quan điểm như trên. Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị V được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 28/8/2004, Nguyễn Minh Ch, sinh ngày 11/01/2012 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 24/12/2015. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 2003, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị có sự nghi ngờ nhau, không tin tưởng nhau, anh T mải chơi, không quan tâm đến gia đình và mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình. Anh chị đã ly thân được một thời gian, nhưng anh T cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân với chị V. Bà Đào Thị L là mẹ đẻ anh T cũng xác nhận anh chị có mâu thuẫn, do anh T còn mải chơi, làm ăn thua lỗ, anh chị lại nghi ngờ nhau. Trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án, anh T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để Tòa án làm việc, hòa giải; thể hiện việc anh T bỏ mặc

cho quan hệ hôn nhân đổ vỡ. Tại phiên tòa, chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị xin được ly hôn anh T. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Toà án chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị V xin được ly hôn anh Nguyễn Văn T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Văn T có ba con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 28/8/2004, Nguyễn Minh Ch, sinh ngày 11/01/2012 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 24/12/2015. Cả ba cháu đang do chị V nuôi dưỡng. Cháu A bị khuyết tật, cháu Ch có nguyện vọng được ở với chị V. Quá trình chuẩn bị xét xử, anh T không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì về việc nuôi con. Chị V có công việc, chỗ ở và thu nhập ổn định và có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cả ba cháu. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định của các cháu, Toà án chấp nhận đề nghị của chị V, giao cho chị V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc A, cháu Nguyễn Minh Ch và cháu Nguyễn Thị Yến N đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Phạm Thị V không yêu cầu Toà án phải giải quyết nên Toà án không xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị V có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao ba con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 28/8/2004, Nguyễn Minh Ch, sinh ngày 11/1/2012 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 24/12/2015 cho chị Phạm Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ tháng 10/2019 đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0004015 ngày 17/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị Phạm Thị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Uỷ ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Sơn**